

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)	Webform	X	
2	Mẫu số 01B. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)		X	
3	Mẫu số 01C. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)		X	
4	Mẫu số 01D. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)		X	
5	Mẫu số 01E. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng theo thời gian)		X	
6	Mẫu số 01G. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng hỗn hợp)		X	
7	Mẫu số 02. Đơn dự thầu			X
8	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
9	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i>)	Scan đính kèm lên Hệ thống hoặc bảo lãnh điện tử		X
10	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i>)			X
11	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Webform		X
12	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
13	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
14	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
15	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu			X
16	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
17	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
18	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X

19	Mẫu số 09B. Danh sách các công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
20	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)			X
21	Mẫu số 10B. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)			X
22	Mẫu số 10C. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng theo thời gian)			X
23	Mẫu số 10D. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng hỗn hợp)			X
24	Mẫu số 11A. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)			X
25	Mẫu số 11B. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)			X
26	Mẫu số 11C. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)			X
27	Mẫu số 11D. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)			X
28	Mẫu số 11E. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng theo thời gian)			X
29	Mẫu số 11G. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng hỗn hợp)			X
30	Mẫu số 12. Bảng kê khai dịch vụ được hưởng ưu đãi			X

PHẠM VI CUNG CẤP

(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ ^(*)	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
...						

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7): Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục công việc cụ thể, đơn vị tính, khối lượng, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày hoàn thành các nội dung công việc để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(*) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V (nếu có).

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các dịch vụ như Mẫu này.

Mẫu số 01B (Webform trên Hệ thống)**PHẠM VI CUNG CẤP***(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)*

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ yêu cầu cung cấp theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Các hạng mục					
1						
2						
...						
II	Chi phí dự phòng khối lượng phát sinh⁽⁸⁾		b1%			

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5), (6), (7) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục công việc cụ thể, đơn vị tính, khối lượng, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày hoàn thành để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(8) Trong E-HSMT phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b1%) nhân với chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các dịch vụ như Mẫu này.

PHẠM VI CUNG CẤP*(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)*

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ yêu cầu cung cấp theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ(*)	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Giai đoạn năm 2026				Phường Phú Thượng	31/12/2026
	BỎ VĨA CÁC LOẠI					
1	Phá dỡ kết cấu bằng máy khoan bê tông, loại kết cấu : Bê tông không cốt thép	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	26,040	m3		
2	Phá dỡ vỉa hè, kích thước vỉa 0,23x0,26x1m	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	840,0	md		
3	Đổ bê tông tại chỗ móng bó vỉa,Đá 1x2 M150	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	26,040	m3		
4	Lắp đặt vỉa hè, loại vỉa hè 23x26x100cm bằng bê tông xi măng	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	810,0	md		
5	Lắp đặt vỉa hè, loại vỉa hè 23x26x100cm bằng đá tự nhiên	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	30,0	md		

	Đan rãnh	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
6	Phá dỡ tấm đan vỉa, kích thước tấm đan 0,5x0,3x0,06m	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	40,0	tám		
7	Phá dỡ kết cấu bằng máy khoan bê tông, loại kết cấu : Bê tông không cốt thép	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	0,60	m3		
8	Đổ bê tông tại chỗ móng đan rãnh	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	0,60	m3		
9	Lắp đặt tấm đan rãnh bê tông 50x30x6cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	40,0	tám		
10	Phá dỡ mặt hè phố bê tông, loại kết cấu : Loại khác	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	1.780,0	m2		
11	Đắp cát nền, hè đường bằng thủ công	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	86,50	m3		
12	Sửa chữa lát hè bằng gạch block	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	1.730,0	m2		
13	Đổ bê tông tại chỗ nền hè Đá 1x2 M150	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	4,0	m3		
14	Lát gạch Gạch bê tông giả đá	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	50,0	m2		
	XÂY BÓ GỐC CÂY VÀ BÓ GỐC CÂY ĐÁ	Theo yêu cầu tại Chương V của E-				

		HSMT				
15	Đào móng bó gốc cây	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	5,1132	m3		
16	Đổ bê tông tại chỗ móng bó gốc cây, Đá 2x4 M150	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	2,2157	m3		
17	Công tác xây bó quanh hố trồng cây vữa xi măng cát vàng	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	1,6965	m3		
18	Lắp đặt vỉa đá bó gốc cây, loại vỉa 15x10cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	52,0	md		
	MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
19	Phá dỡ kết cấu bằng máy khoan bê tông, loại kết cấu : Bê tông không cốt thép	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	151,20	m3		
20	Đổ BTXM mác 300 dày 20 cm đường BTXM cũ	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	756,0	m2		
	MẶT ĐƯỜNG BTN	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
21	Vá ổ gà bằng bê tông nhựa (loại C <= 12,5) thủ công kết hợp cơ giới, chiều dài mặt đường đã lèn ép 7cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	60,0	m2		
22	Xử lý cao su sinh lún, cấu tạo nền, mặt đường : 40cm cấp phối đá dăm+5cm BTN (loại C19,	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	30,0	m2		

	R19) + 5cm BTN (loại C \leq 12,5)					
23	Cào bóc mặt đường bê tông nhựa asphalt, chiều dày lớp cào bóc 5 cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	107,8040	100m ²		
24	Thảm mỏng bê tông nhựa (loại C \leq 12,5) bảo vệ mặt đường, chiều dày lên ép 5cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	107,8040	100m ²		
25	Công tác xúc đất lên xuống ô tô bằng máy kết hợp thủ công	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	345,2152	m ³		
26	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T, cự ly vận chuyển <1000m	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	176,8470	5m ³		
27	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T, cự ly vận chuyển tiếp \leq 7km(6km)	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	176,8470	5m ³		
28	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T, cự ly vận chuyển 1km ngoài phạm vi ngoài 7km(8km)	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	176,8470	5m ³		
	SƠN KẼ HÈ ĐƯỜNG	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
29	Sơn bê tông các loại sơn hè	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	624,750	m ²		
30	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt, chiều dày lớp sơn 2mm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	100,0	m ²		
31	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt, chiều dày lớp sơn 6mm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	60,0	m ²		

32	Biển tròn phản quang D700mm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	5,0	cái		
33	Biển chỉ dẫn phản quang	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	11,340	m2		
34	Cột biển báo D90, cao 3,0m	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	86,0	cột		
35	Đào móng trụ tiêu, cột MLG, cọc H, cột biển báo giao thông	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	10,750	m3		
36	Đổ bê tông tại chỗ móng cột biển báo Đá 1x2 M150	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	10,4766	m3		
37	Thay thế cột biển	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	86,0	1 cọc		
II	Giai đoạn Năm 2027				Phường Phú Thượng	31/12/2027
	BỎ VĨA CÁC LOẠI	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
1	Phá dỡ kết cấu bằng máy khoan bê tông, loại kết cấu : Bê tông không cốt thép	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	25,8850	m3		
2	Phá dỡ vỉa hè, kích thước vỉa 0,23x0,26x1m	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	835,0	md		
3	Đổ bê tông tại chỗ móng bó vỉa, Đá 1x2 M150	Theo yêu cầu tại Chương V của E-	25,8850	m3		

		HSMT				
4	Lắp đặt vỉa hè, loại vỉa hè 23x26x100cm bằng bê tông xi măng	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	800,0	md		
5	Lắp đặt vỉa hè, loại vỉa hè 23x26x100cm bằng đá tự nhiên	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	35,0	md		
	Đan rãnh	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
6	Phá dỡ tám đan vỉa, kích thước tám đan 0,5x0,3x0,06m	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	40,0	tám		
7	Phá dỡ kết cấu bằng máy khoan bê tông, loại kết cấu : Bê tông không cốt thép	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	0,60	m3		
8	Đổ bê tông tại chỗ móng đan rãnh	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	0,60	m3		
9	Lắp đặt tám đan rãnh bê tông 50x30x6cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	40,0	tám		
10	Phá dỡ mặt hè phổ bê tông, loại kết cấu : Loại khác	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	1.780,0	m2		
11	Đắp cát nền, hè đường bằng thủ công	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	85,0	m3		
12	Sửa chữa lát hè bằng gạch block	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	1.700,0	m2		

13	Đổ bê tông tại chỗ nền hè Đá 1x2 M150	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	6,40	m3		
14	Lát gạch Gạch bê tông giả đá	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	80,0	m2		
	XÂY BÓ GÓC CÂY VÀ BÓ GÓC CÂY ĐÁ	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
15	Đào móng bó góc cây	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	6,6132	m3		
16	Đổ bê tông tại chỗ móng bó góc cây, Đá 1x2 M150	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	2,8157	m3		
17	Công tác xây bó quanh hố trồng cây vữa xi măng cát vàng	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	1,6965	m3		
18	Lắp đặt vỉa đá bó góc cây, loại vỉa 15x10cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	52,0	md		
	MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
19	Phá dỡ kết cấu bằng máy khoan bê tông, loại kết cấu : Bê tông không cốt thép	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	152,20	m3		
20	Đổ BTXM mác 300 dày 20 cm đường BTXM cũ	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	761,0	m2		
	MẶT ĐƯỜNG BTN	Theo yêu cầu tại Chương V của E-				

		HSMT				
21	Vá ô gà bằng bê tông nhựa (loại C <= 12,5) thủ công kết hợp cơ giới, chiều dài mặt đường đã lèn ép 7cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	60,0	m2		
22	Xử lý cao su sinh lún, cấu tạo nền, mặt đường : 40cm cấp phối đá dăm+5cm BTN (loại C19, R19) + 5cm BTN (loại C<= 12,5)	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	30,0	m2		
23	Cào bóc mặt đường bê tông nhựa asphalt, chiều dày lớp cào bóc 5 cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	106,80	100m2		
24	Thảm mỏng bê tông nhựa (loại C <= 12,5) bảo vệ mặt đường, chiều dày lèn ép 5cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	106,80	100m2		
25	Công tác xúc đất lên xuống ô tô bằng máy kết hợp thủ công	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	343,9612	m3		
26	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T, cự ly vận chuyển <1000m	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	175,5922	5m3		
27	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T, cự ly vận chuyển tiếp ≤ 7km(6km)	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	175,5922	5m3		
28	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T, cự ly vận chuyển 1km ngoài phạm vi ngoài 7km(8km)	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	175,5922	5m3		
	SƠN KẼ HÈ ĐƯỜNG	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				

29	Sơn bê tông các loại sơn hè	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	624,750	m2		
30	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt, chiều dày lớp sơn 2mm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	200,0	m2		
31	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt, chiều dày lớp sơn 6mm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	100,0	m2		
32	Biển tròn phản quang D700mm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	5,0	cái		
33	Biển chỉ dẫn phản quang	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	6,670	m2		
34	Cột biển báo D90, cao 3,0m	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	50,0	cột		
35	Đào móng trụ tiêu, cột MLG, cọc H, cột biển báo giao thông	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	6,250	m3		
36	Đổ bê tông tại chỗ móng cột biển báo Đá 1x2 M150	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	6,0910	m3		
37	Thay thế cột biển báo	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	50,0	1 cọc		
III	Giai đoạn Năm 2028				Phùng Phú Thượng	31/12/2028
	BÓ VĨA CÁC LOẠI	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				

1	Phá dỡ kết cấu bằng máy khoan bê tông, loại kết cấu : Bê tông không cốt thép	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	25,730	m3		
2	Phá dỡ vỉa hè, kích thước vỉa 0,23x0,26x1m	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	830,0	md		
3	Đổ bê tông tại chỗ móng bó vỉa,Đá 1x2 M150	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	25,730	m3		
4	Lắp đặt vỉa hè, loại vỉa hè 23x26x100cm bằng bê tông xi măng	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	790,0	md		
5	Lắp đặt vỉa hè, loại vỉa hè 23x26x100cm bằng đá tự nhiên	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	40,0	md		
	Đan rãnh	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
6	Phá dỡ tấm đan vỉa, kích thước tấm đan 0,5x0,3x0,06m	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	40,0	tám		
7	Phá dỡ kết cấu bằng máy khoan bê tông, loại kết cấu : Bê tông không cốt thép	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	0,60	m3		
8	Đổ bê tông tại chỗ móng đan rãnh	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	0,60	m3		
9	Lắp đặt tấm đan rãnh bê tông 50x30x6cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	40,0	tám		
10	Phá dỡ mặt hè phổ bê tông, loại kết cấu : Loại khác	Theo yêu cầu tại Chương V của E-	1.750,0	m2		

		HSMT				
11	Đắp cát nền, hệ đường bằng thủ công	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	82,50	m3		
12	Sửa chữa lát hệ bằng gạch block	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	1.650,0	m2		
13	Đổ bê tông tại chỗ nền hệ Đá 1x2 M150	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	8,0	m3		
14	Lát gạch Gạch bê tông giả đá	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	100,0	m2		
	XÂY BÓ GỐC CÂY VÀ BÓ GỐC CÂY ĐÁ	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
15	Đào móng bó gốc cây	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	6,6132	m3		
16	Đổ bê tông tại chỗ móng bó gốc cây, Đá 1x2 M150	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	2,8157	m3		
17	Công tác xây bó quanh hồ trồng cây vữa xi măng cát vàng	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	1,6965	m3		
18	Lắp đặt vỉa đá bó gốc cây, loại vỉa 15x10cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	52,0	md		
	MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				

19	Phá dỡ kết cấu bằng máy khoan bê tông, loại kết cấu : Bê tông không cốt thép	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	153,0	m3		
20	Đổ BTXM mác 300 dày 20 cm đường BTXM cũ	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	765,0	m2		
	MẶT ĐƯỜNG BTN	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
21	Vá ổ gà bằng bê tông nhựa (loại C <= 12,5) thủ công kết hợp cơ giới, chiều dài mặt đường đã lèn ép 7cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	60,0	m2		
22	Xử lý cao su sinh lún, cấu tạo nền, mặt đường : 40cm cấp phối đá dăm+5cm BTN (loại C19, R19) + 5cm BTN (loại C<= 12,5)	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	30,0	m2		
23	Cào bóc mặt đường bê tông nhựa asphalt, chiều dày lớp cào bóc 5 cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	106,90	100m2		
24	Thảm mỏng bê tông nhựa (loại C <= 12,5) bảo vệ mặt đường, chiều dày lèn ép 5cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	106,90	100m2		
25	Công tác xúc đất lên xuống ô tô bằng máy kết hợp thủ công	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	344,4572	m3		
26	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T, cự ly vận chuyển <1000m	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	175,7914	5m3		
27	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T, cự ly vận chuyển tiếp ≤	Theo yêu cầu tại Chương V của E-	175,7914	5m3		

	7km(6km)	HSMT				
28	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T, cự ly vận chuyển 1km ngoài phạm vi ngoài 7km(8km)	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	175,7914	5m3		
	SƠN KẼ HÈ ĐƯỜNG	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
29	Sơn bê tông các loại sơn hè	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	624,750	m2		
30	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt, chiều dày lớp sơn 2mm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	200,0	m2		
31	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt, chiều dày lớp sơn 6mm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	100,0	m2		
32	Biển tròn phản quang D700mm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	5,0	cái		
33	Biển chỉ dẫn phản quang	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	6,670	m2		
34	Cột biển báo D90, cao 3,0m	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	50,0	cột		
35	Đào móng trụ tiêu, cột MLG, cọc H, cột biển báo giao thông	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	6,250	m3		
36	Đổ bê tông tại chỗ móng cột biển báo Đá 1x2 M150	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	6,0910	m3		

37	Thay thế cột biển báo	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	50,0	1 cọc		
IV	Giai đoạn Năm 2029				Phường Phú Thượng	31/12/2029
	BỎ VĨA CÁC LOẠI	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
1	Phá dỡ kết cấu bằng máy khoan bê tông, loại kết cấu : Bê tông không cốt thép	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	25,2650	m3		
2	Phá dỡ vỉa hè, kích thước vỉa 0,23x0,26x1m	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	815,0	md		
3	Đổ bê tông tại chỗ móng bó vỉa,Đá 1x2 M150	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	25,2650	m3		
4	Lắp đặt vỉa hè, loại vỉa hè 23x26x100cm bằng bê tông xi măng	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	770,0	md		
5	Lắp đặt vỉa hè, loại vỉa hè 23x26x100cm bằng đá tự nhiên	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	45,0	md		
	Đan rãnh	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
6	Phá dỡ tấm đan vỉa, kích thước tấm đan 0,5x0,3x0,06m	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	40,0	tấm		
7	Phá dỡ kết cấu bằng máy khoan bê tông, loại kết cấu : Bê tông không cốt thép	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	0,60	m3		

8	Đổ bê tông tại chỗ móng đan rãnh	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	0,60	m3		
9	Lắp đặt tấm đan rãnh bê tông 50x30x6cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	40,0	tấm		
10	Phá dỡ mặt hè phổ bê tông, loại kết cấu : Loại khác	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	1.750,0	m2		
11	Đắp cát nền, hè đường bằng thủ công	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	81,50	m3		
12	Sửa chữa lát hè bằng gạch block	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	1.630,0	m2		
13	Đổ bê tông tại chỗ nền hè Đá 1x2 M150	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	9,60	m3		
14	Lát gạch Gạch bê tông giả đá	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	120,0	m2		
	XÂY BÓ GỐC CÂY VÀ BÓ GỐC CÂY ĐÁ	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
15	Đào móng bó gốc cây	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	6,6132	m3		
16	Đổ bê tông tại chỗ móng bó gốc cây, Đá 1x2 M150	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	2,8157	m3		
17	Công tác xây bó quanh hố trồng cây vữa xi măng cát vàng	Theo yêu cầu tại Chương V của E-	1,6965	m3		

		HSMT				
18	Lắp đặt vỉa đá bó góc cây, loại vỉa 15x10cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	52,0	md		
	MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
19	Phá dỡ kết cấu bằng máy khoan bê tông, loại kết cấu : Bê tông không cốt thép	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	154,0	m3		
20	Đổ BTXM mác 300 dày 20 cm đường BTXM cũ	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	770,0	m2		
	MẶT ĐƯỜNG BTN	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
21	Vá ổ gà bằng bê tông nhựa (loại C <= 12,5) thủ công kết hợp cơ giới, chiều dài mặt đường đã lèn ép 7cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	30,0	m2		
22	Xử lý cao su sinh lún, cấu tạo nền, mặt đường : 40cm cấp phối đá dăm+5cm BTN (loại C19, R19) + 5cm BTN (loại C<= 12,5)	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	30,0	m2		
23	Cào bóc mặt đường bê tông nhựa asphalt, chiều dày lớp cào bóc 5 cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	106,950	100m2		
24	Thảm mỏng bê tông nhựa (loại C <= 12,5) bảo vệ mặt đường, chiều dày lèn ép 5cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	106,950	100m2		

25	Công tác xúc đất lên xuống ô tô bằng máy kết hợp thủ công	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	345,8952	m3		
26	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T, cự ly vận chuyển <1000m	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	176,1290	5m3		
27	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T, cự ly vận chuyển tiếp ≤ 7km(6km)	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	176,1290	5m3		
28	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T, cự ly vận chuyển 1km ngoài phạm vi ngoài 7km(8km)	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	176,1290	5m3		
	SƠN KẼ HÈ ĐƯỜNG	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
29	Sơn bê tông các loại sơn hè	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	624,750	m2		
30	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt, chiều dày lớp sơn 2mm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	200,0	m2		
31	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt, chiều dày lớp sơn 6mm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	100,0	m2		
32	Biển tròn phản quang D700mm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	5,0	cái		
33	Biển chỉ dẫn phản quang	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	6,670	m2		
34	Cột biển báo D90, cao 3,0m	Theo yêu cầu tại Chương V của E-	50,0	cột		

		HSMT				
35	Đào móng trụ tiêu, cột MLG, cọc H, cột biển báo giao thông	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	6,250	m3		
36	Đổ bê tông tại chỗ móng cột biển báo Đá 1x2 M150	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	6,0910	m3		
37	Thay thế cột biển báo	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	50,0	1 cọc		
V	Giai đoạn Năm 2030				Phùng Phú Thượng	31/12/2030
	BÓ VĨA CÁC LOẠI	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
1	Phá dỡ kết cấu bằng máy khoan bê tông, loại kết cấu : Bê tông không cốt thép	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	25,420	m3		
2	Phá dỡ vỉa hè, kích thước vỉa 0,23x0,26x1m	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	820,0	md		
3	Đổ bê tông tại chỗ móng bó vỉa, Đá 1x2 M150	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	25,420	m3		
4	Lắp đặt vỉa hè, loại vỉa hè 23x26x100cm bằng bê tông xi măng	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	775,0	md		
5	Lắp đặt vỉa hè, loại vỉa hè 23x26x100cm bằng đá tự nhiên	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	45,0	md		
	Đan rãnh	Theo yêu cầu tại Chương V của E-				

		HSMT				
6	Phá dỡ tấm đan vỉa, kích thước tấm đan 0,5x0,3x0,06m	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	40,0	tám		
7	Phá dỡ kết cấu bằng máy khoan bê tông, loại kết cấu : Bê tông không cốt thép	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	0,60	m3		
8	Đổ bê tông tại chỗ móng đan rãnh	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	0,60	m3		
9	Lắp đặt tấm đan rãnh bê tông 50x30x6cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	40,0	tám		
10	Phá dỡ mặt hè phổ bê tông, loại kết cấu : Loại khác	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	1.745,0	m2		
11	Đắp cát nền, hè đường bằng thủ công	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	81,0	m3		
12	Sửa chữa lát hè bằng gạch block	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	1.620,0	m2		
13	Đổ bê tông tại chỗ nền hè Đá 1x2 M150	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	10,0	m3		
14	Lát gạch Gạch bê tông giả đá	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	125,0	m2		
	XÂY BÓ GÓC CÂY VÀ BÓ GÓC CÂY ĐÁ	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				

15	Đào móng bó góc cây	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	6,6132	m3		
16	Đổ bê tông tại chỗ móng bó góc cây, Đá 1x2 M150	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	2,8157	m3		
17	Công tác xây bó quanh hố trồng cây vữa xi măng cát vàng	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	1,6965	m3		
18	Lắp đặt vỉa đá bó góc cây, loại vỉa 15x10cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	52,0	md		
	MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
19	Phá dỡ kết cấu bằng máy khoan bê tông, loại kết cấu : Bê tông không cốt thép	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	155,0	m3		
20	Đổ BTXM mác 300 dày 20 cm đường BTXM cũ	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	775,0	m2		
	MẶT ĐƯỜNG BTN	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
21	Vá ổ gà bằng bê tông nhựa (loại C <= 12,5) thủ công kết hợp cơ giới, chiều dài mặt đường đã lèn ép 7cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	30,0	m2		
22	Xử lý cao su sinh lún, cấu tạo nền, mặt đường : 40cm cấp phối đá dăm+5cm BTN (loại C19, R19) + 5cm BTN (loại C<=	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	30,0	m2		

	12,5)					
23	Cào bóc mặt đường bê tông nhựa asphalt, chiều dày lớp cào bóc 5 cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	107,050	100m ²		
24	Thảm mỏng bê tông nhựa (loại C <= 12,5) bảo vệ mặt đường, chiều dày lên ép 5cm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	107,050	100m ²		
25	Công tác xúc đất lên xuống ô tô bằng máy kết hợp thủ công	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	346,7602	m ³		
26	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T, cự ly vận chuyển <1000m	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	174,2020	5m ³		
27	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T, cự ly vận chuyển tiếp ≤ 7km(6km)	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	173,6520	5m ³		
28	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T, cự ly vận chuyển 1km ngoài phạm vi ngoài 7km(8km)	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	173,6520	5m ³		
	SƠN KẼ HÈ ĐƯỜNG	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT				
29	Sơn bê tông các loại sơn hè	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	624,750	m ²		
30	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt, chiều dày lớp sơn 2mm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	200,0	m ²		
31	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt, chiều dày lớp sơn 6mm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	100,0	m ²		

32	Biển tròn phản quang D700mm	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	5,0	cái		
33	Biển chỉ dẫn phản quang	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	6,670	m2		
34	Cột biển báo D90, cao 3,0m	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	50,0	cột		
35	Đào móng trụ tiêu, cột MLG, cọc H, cột biển báo giao thông	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	6,250	m3		
36	Đổ bê tông tại chỗ móng cột biển báo Đá 1x2 M150	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	6,0910	m3		
37	Thay thế cột biển báo	Theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	50,0	1 cọc		
II	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá⁽⁸⁾		<i>10%</i>			

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5), (6), (7) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục công việc cụ thể, đơn vị tính, khối lượng, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày hoàn thành để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyền...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(8) Ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá (b2%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b2%) nhân với chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các dịch vụ như Mẫu này.

Mẫu số 01D (Webform trên Hệ thống)

PHẠM VI CUNG CẤP
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ, mô tả ngắn gọn dịch vụ cung cấp theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Giá trị công trình xây dựng/hạng mục công trình	Thời gian bảo hiểm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Hạng mục 1	Theo quy định tại Chương V		
2	Hạng mục 2	Theo quy định tại Chương V		
...				

Ghi chú:

(2), (4), (5): Chủ đầu tư điền phù hợp với yêu cầu của gói thầu và quy định của pháp luật về bảo hiểm.
Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các dịch vụ như Mẫu này.

Mẫu số 01E (Webform trên Hệ thống)**PHẠM VI CUNG CẤP***(áp dụng đối với loại hợp đồng theo thời gian)*

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ yêu cầu cung cấp theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu/ngày (tháng)	Số ngày/tháng thực hiện	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu thực hiện dịch vụ đối với trường hợp thực hiện dịch vụ lặp lại nhiều lần]</i>	Ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ muộn nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu thực hiện dịch vụ đối với trường hợp thực hiện dịch vụ lặp lại nhiều lần]</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Các hạng mục							
1								
2								
...								
II	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh theo thời gian⁽¹⁰⁾			b3%				

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5), (6), (7), (8), (9) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục công việc cụ thể, khối lượng từng ngày (tháng), số ngày/tháng thực hiện, đơn vị tính, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ, ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ muộn nhất để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyền...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(10) Trong E-HSMT phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh theo thời gian (b3%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh theo thời gian với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b3%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các dịch vụ như Mẫu này.

Mẫu số 01G (Webform trên Hệ thống)

PHẠM VI CUNG CẤP
(áp dụng đối với loại hợp đồng hỗn hợp)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ theo bảng sau:

I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
...						

II. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Các hạng mục					
1						
2						
...						

II	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh ⁽⁸⁾		b1%			
----	--	--	-----	--	--	--

III. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Các hạng mục					
1						
2						
...						
II	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá ⁽⁹⁾		b2%			

IV. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo thời gian

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu/ngày (tháng)	Số ngày/tháng thực hiện	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu thực hiện dịch vụ đối với trường hợp thực hiện dịch vụ lặp lại nhiều lần]	Ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu thực hiện dịch vụ đối với trường hợp thực hiện dịch vụ lặp lại nhiều lần]
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

I	Các hạng mục							
1								
2								
...								
II	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh theo thời gian⁽¹⁰⁾		b3%					

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5), (6), (7) Mục II, II, III, IV và (8), (9) Mục IV: Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục công việc cụ thể, đơn vị tính, khối lượng, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày hoàn thành để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(3): Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(8) Mục II: Ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b1%) nhân với chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

(9) Mục III: Ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá (b2%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b2%) nhân với chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.

(10) Mục IV: Ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh theo thời gian (b3%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh theo thời gian với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b3%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng

công việc trong thực tế.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các dịch vụ như Mẫu này.

Mẫu số 02 (Webform trên Hệ thống)**ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾**

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế _____, [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ [*Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSMT: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Bảo đảm dự thầu*: _____ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: _____ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

* Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;
7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽³⁾;
8. Những thông tin kê khai trong E-HSĐT là trung thực;
9. Trường hợp trúng thầu, E-HSĐT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSĐT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;
10. Nếu E-HSĐT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT;
11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽⁴⁾;
12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng.⁽⁵⁾

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSĐT.

(2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

(3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(4) Đối với gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.

(5) Trường hợp gói thầu áp dụng đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: “Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, bị nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng, gồm:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSMT, nhà thầu có văn bản rút E-HSMT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng.

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Mẫu số 03 (Webform trên Hệ thống)**THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾**Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Thuộc dự án/ dự toán mua sắm: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ⁽²⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ⁽²⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ E-HSMT Gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ n: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/ dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [*ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [*Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽⁴⁾:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (<i>Hệ thống tự động trích xuất</i>)	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/ dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo thông báo của Chủ đầu tư

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

Mẫu số 04A (Scan đính kèm)**BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾***(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)*

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ____ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ____ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ____ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số ____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

Mẫu số 04B (Scan đính kèm)**BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾***(áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)*

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh):___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh:___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU SỐ:___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh:___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là___ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày___ tháng___ năm___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của

Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng;

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh _____ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSMT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;
- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

Mẫu số 05 (Webform trên Hệ thống)**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu].*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾			
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

Mẫu số 06A (Webform trên Hệ thống)**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và nhân sự của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSĐT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động nhân sự để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ nhân sự theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN⁽¹⁾

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2				
...	...			

Ghi chú:

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Mẫu số 06D (Webform trên Hệ thống)**BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU**

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu, Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và thiết bị của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSĐT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động thiết bị để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ thiết bị theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu thì nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất (*)	Năm sản xuất (*)
	Tính năng	Xuất xứ Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị <input type="checkbox"/> Sở hữu của nhà thầu <input type="checkbox"/> Đi thuê <input type="checkbox"/> Cho thuê <input type="checkbox"/> Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu
------------	----------------

	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		

Mẫu số 07 (Webform trên Hệ thống)**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III			
<input type="checkbox"/> Không có hoặc có 01 hợp đồng (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
<input type="checkbox"/> Có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
Năm	Phân việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 08 (Webform trên Hệ thống)**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾	<i>(Hệ thống tự động tính)</i>		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

Mẫu số 09A (Webform trên Hệ thống)**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾**

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT; trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Mẫu số 09B (Webform trên Hệ thống)**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

Mẫu số 10A (Webform trên Hệ thống)**BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

*(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra,
hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)*

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (7): Hệ thống trích xuất.
- Cột (8): Nhà thầu điền

Mẫu số 10B (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Giá trị công trình xây dựng/hạng mục công trình	Thời gian bảo hiểm	Thời gian bảo hiểm do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 01D.
- Cột (6): Nhà thầu điền

Mẫu số 10C (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN^(*)
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo thời gian)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu/ngày (tháng)	Số ngày/tháng thực hiện	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu thực hiện dịch vụ đối với trường hợp thực hiện dịch vụ lặp lại nhiều lần]	Ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu thực hiện dịch vụ đối với trường hợp thực hiện dịch vụ lặp lại nhiều lần]	Ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (9): Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 01E.
- Cột (10): Nhà thầu điền

() Ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ do nhà thầu đề xuất phải nằm trong khoảng thời gian yêu cầu. Nhà thầu đề xuất thời gian bắt đầu thực hiện dịch vụ sớm hơn ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ thì không được tính ưu tiên và không bị loại, trừ trường hợp yêu cầu kỹ thuật có quy định khác. Nhà thầu đề xuất thời gian bắt đầu thực hiện dịch vụ muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.*

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (7) Mục I, II, III; các cột từ (1) đến (9) Mục IV: Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 01G Chương IV;
- Cột (8) Mục I, II, III; cột (10) Mục IV: Nhà thầu điền

() Ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ do nhà thầu đề xuất phải nằm trong khoảng thời gian yêu cầu. Nhà thầu đề xuất thời gian bắt đầu thực hiện dịch vụ sớm hơn ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ thì không được tính ưu tiên và không bị loại, trừ trường hợp yêu cầu kỹ thuật có quy định khác. Nhà thầu đề xuất thời gian bắt đầu thực hiện dịch vụ muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.*

Mẫu số 11A (Webform trên Hệ thống)**BẢNG GIÁ DỰ THẦU***(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)*

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
1						
2						
...						
Tổng cộng: <i>[Hệ thống tự tính]</i>						

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Hệ thống trích xuất.
- Cột (6): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.
- Cột (7): Hệ thống tự tính.

Mẫu số 11B (Webform trên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
I	Các hạng mục					A=A1+A2+...
1	Hạng mục 1					A1
2	Hạng mục 2					A2
...
II	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh		b1%			B1 = b1% x A
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))						A+B1

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Hệ thống trích xuất.

- Cột (6): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

- Cột (7): Hệ thống tự tính.

Mẫu số 11C (Webform trên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
I	Các hạng mục					A=A1+A2+...
1	Hạng mục 1					A1
2	Hạng mục 2					A2
...
II	Chi phí dự phòng (dự phòng khối lượng phát sinh, trượt giá)		b2%			B2 = b2% x A
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))						A+B2

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Hệ thống trích xuất.

- Cột (6): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

- Cột (7): Hệ thống tự tính.

Mẫu số 11D (Webform trên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Giá trị công trình xây dựng/hạng mục công trình	Thời gian bảo hiểm	Tỷ lệ phí bảo hiểm (%)	Phí bảo hiểm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
1	Hạng mục 1					A1
2	Hạng mục 2					A2
...
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))						A=A1+A2+...

Ghi chú:

- Các cột (2), (3), (4), (5): Hệ thống trích xuất.
- Cột (6): Nhà thầu điền
- Cột (7): Hệ thống tự tính.

Mẫu số 11E (Webform trên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo thời gian)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu/ngày (tháng)	Số ngày/tháng thực hiện	Đơn vị tính	Đơn giá theo ngày (tháng)	Thành tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(5)x(7)	
I	Các hạng mục						A=A1+A2+...	
1	Hạng mục 1						A1	
2	Hạng mục 2						A2	
...	
II	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh theo thời gian			b3%			B3 = b3% x A	
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))								A+B3

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (6): Hệ thống trích xuất.

- Cột (7): Nhà thầu điền đơn giá theo ngày (tháng) cho hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

- Cột (8): Hệ thống tự tính.

Mẫu số 11G (Webform trên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với loại hợp đồng hỗn hợp)

I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
1						
2						
...						
Tổng cộng: [Hệ thống tự tính]						X1

II. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
I	Các hạng mục					A=A1+A2+...
1	Hạng mục 1					A1
2	Hạng mục 2					A2
...
II	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh		b1%			B1 = b1% x A
Tổng cộng: [Hệ thống tự tính]						X2=A+B1

III. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
I	Các hạng mục					$A=A1+A2+...$
1	Hạng mục 1					A1
2	Hạng mục 2					A2
...
II	Chi phí dự phòng (dự phòng khối lượng phát sinh, trượt giá)		b2%			$B2 = b2\% \times A$
Tổng cộng: [Hệ thống tự tính]						$X3=A+B2$

IV. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo thời gian

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu/ngày (tháng)	Số ngày/tháng thực hiện	Đơn vị tính	Đơn giá theo ngày (tháng)	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(5)x(7)
I	Các hạng mục						$A=A1+A2+...$
1	Hạng mục 1						A1
2	Hạng mục 2						A2
...
II	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh theo thời gian						$B3 = b3\% \times A$
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))							$X4=A+B3$

V. Tổng hợp giá dự thầu

STT	Các hạng mục	Thành tiền
I	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra	X1
II	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định	X2
III	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh	X3
IV	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo thời gian	X4
	Tổng cộng (Trích xuất ra giá dự thầu)	X=X1+X2+X3+X4

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5) của Mục I, II, III; các cột từ (1) đến (6) của Mục IV: Hệ thống trích xuất.

- Cột (6) của Mục I, II, III; cột (7) của Mục IV: Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

- Cột (7) của Mục I, II, III; cột (8) của Mục IV: Hệ thống tự tính.

Mẫu số 12 (webform trên Hệ thống)**BẢNG KÊ KHAI DỊCH VỤ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI**

Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi đối với các nội dung mà nhà thầu kê khai theo bảng dưới đây. Trường hợp nhà thầu không tích chọn thì không được hưởng ưu đãi về nội dung này.

Nội dung	Có	Không
Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo⁽¹⁾	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Dịch vụ là sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP mà sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong 6 năm gần đây⁽²⁾	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú:

(1), (2): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng. Trường hợp nhà thầu tích chọn vào “Có” nội dung (1) thì Hệ thống cho phép nhà thầu chọn nội dung (2).

Trường hợp nhà thầu tích chọn “Có” thì nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSĐT.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư - Hạ tầng phường Phú Thượng

Bên mời thầu: Ban Quản lý dự án Đầu tư - Hạ tầng phường Phú Thượng

Tên gói thầu: **Quản lý, bảo trì công trình giao thông trên địa bàn phường Phú Thượng, giai đoạn 2026 - 2030.**

Tên dự án/dự toán mua sắm: **Quản lý, bảo trì công trình giao thông trên địa bàn phường Phú Thượng, giai đoạn 2026 - 2030.**

Thời gian thực hiện gói thầu: 1826 ngày.

Loại hợp đồng: Đơn giá điều chỉnh

Giá gói thầu: Dự toán (Giá) gói thầu đang được lập tương ứng mức thuế VAT là 8% cho năm 2026 và 10% cho các năm 2027,2028,2029,2030. Để có căn cứ đưa về một mặt bằng đánh giá về tài chính, giá dự thầu của nhà thầu khi chào thầu được hiểu tương ứng với mức thuế VAT tại thời điểm thông báo mời thầu. Tại thời điểm thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ xác định giá trị khối lượng xây dựng hoàn thành tương ứng với mức thuế VAT tại thời điểm nghiệm thu, thanh toán.

2. Mục tiêu công việc:

Thực hiện công tác Quản lý, bảo trì công trình giao thông trên địa bàn phường Phú Thượng, giai đoạn 2026 - 2030.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

Nhà thầu căn cứ vào yêu cầu kỹ thuật trong E-HSMT để làm cơ sở chào giá dự thầu và lập biện pháp thi công và giá chào thầu.

Nhà thầu phải tuân thủ các trình tự thi công và các yêu cầu trình tự thi công của Chủ đầu tư. Tất cả các hạng mục của gói thầu xây lắp phải được thi công theo quy trình thi công và nghiệm thu hiện hành của Nhà nước. Trước khi khởi công công trình nhà thầu phải lập biện pháp thi công, phê duyệt và gửi Chủ đầu tư để theo dõi và giám sát.

Các yêu cầu về vật tư, về kỹ thuật thì thực hiện theo các tiêu chuẩn đã nêu trong Hồ sơ mời thầu, các Tiêu chuẩn hiện hành.

Cự ly vận chuyển trong bảng khối lượng chỉ mang tính chất tham khảo, Nhà thầu cần khảo sát kỹ hiện trường và đưa ra cự ly phù hợp với thực tế thi công.

Các thông số kỹ thuật về máy móc, thiết bị vận chuyển vật liệu, phế thải; việc phân chia khối lượng đào đắp (thủ công – máy) trong bảng khối lượng mời

thầu chỉ mang tính tham khảo. Nhà thầu cần tìm hiểu, nghiên cứu, khảo sát kỹ hiện trường căn cứ vào năng lực về máy móc, nhân sự để đưa ra biện pháp thi công phù hợp đảm bảo yếu tố giá chào thầu là cạnh tranh và hiệu quả.

Trong trường hợp có phát sinh ngoài phạm vi của HSMT, Bên mời thầu sẽ phối hợp với các đơn vị liên quan để xử lý trong bước thương thảo hợp đồng theo các quy định của pháp luật trên cơ sở cạnh tranh, công bằng và minh bạch...trong mọi trường hợp quyết định của Chủ đầu tư sẽ là quyết định cao nhất.

Cụm từ “hoặc tương đương” (nếu có) sử dụng trong HSMT này: Tương đương về thông số kỹ thuật, tính năng, hiệu suất, chất lượng...

a. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình;

Các tiêu chuẩn để đánh giá từng hạng mục công trình và công trình đạt các yêu cầu về chất lượng kỹ thuật trong quá trình thi công, cần thiết tuân theo các điều kiện về quản lý đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình, các quy trình thí nghiệm, các chỉ tiêu kỹ thuật, các quy định về thi công và nghiệm thu hiện hành.

b. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát;

b.1. Yêu cầu chung:

Nhà thầu phải thi công và hoàn thiện công trình và sửa chữa bất kỳ sai sót nào trong công trình và tuân thủ các quy trình, quy phạm xây dựng hiện hành của Việt Nam cũng như phù hợp với các điều kiện riêng của công trình và theo sự chỉ dẫn của cán bộ giám sát A. Nhà thầu phải tuân thủ và làm đúng các chỉ dẫn của cán bộ giám sát về mọi vấn đề có nêu hay không nêu trong hợp đồng.

Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chất ổn định, an toàn của tất cả các hoạt động ở công trường trong suốt thời gian thi công, hoàn thiện công trình và trong giai đoạn bảo hành, Nhà thầu phải:

* Quan tâm đầy đủ đến sức khỏe an toàn của người lao động trên công trường. Đảm bảo trật tự an toàn cho công trình không để xảy ra tình trạng nguy hiểm cho người lao động.

* Bằng mọi biện pháp hợp lý, Nhà thầu phải bảo vệ môi trường ở trong và ngoài công trường nhằm tránh gây thiệt hại về tài sản và người ở công trường và khu vực lân cận.

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc bảo vệ công trình, nguyên vật liệu và máy móc thiết bị đưa vào sử dụng cho việc thi công công trình kể từ ngày khởi công công trình đến ngày cấp giấy chứng nhận nghiệm thu

bàn giao công trình.

- Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có xảy ra bất kỳ tổn thất hay hư hỏng nào đối với công trình, người lao động, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị thì Nhà thầu phải tự sửa chữa, bồi thường bằng chính chi phí của mình.

- Cung cấp toàn bộ nguyên vật liệu đúng yêu cầu kỹ thuật đưa vào thi công công trình.

- Tổ chức thực hiện thi công công trình đạt yêu cầu kỹ thuật và theo đúng thời hạn hoàn thành công trình đã nêu trong hồ sơ dự thầu được chấp thuận.

- Cung cấp những cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, trợ lý kỹ thuật lành nghề có kinh nghiệm và đủ năng lực đảm bảo thực hiện đúng đắn và đúng thời hạn nghĩa vụ của Nhà thầu theo hợp đồng.

- Giám sát theo dõi những khối lượng do mình thực hiện ở công trường trong thời gian thi công và ngay cả trong thời gian bảo hành công trình.

- Nếu Chủ đầu tư nhận thấy không thể chấp nhận những đại diện của Nhà thầu mà theo ý kiến của Chủ đầu tư người đó có hành vi sai phạm hoặc không có năng lực hay không thực hiện đúng đắn nhiệm vụ thì Nhà thầu không được phép cho người đó làm việc ở công trường nữa và nên thay thế càng sớm càng tốt.

- Nhà thầu phải báo cáo các chi tiết về bất kỳ tai nạn, hư hỏng nào trong hoặc ngoài công trường. Trong trường hợp có tai nạn nghiêm trọng, hư hỏng hay chết người, Nhà thầu phải báo cáo ngay lập tức bằng các phương tiện nhanh nhất sẵn có.

- Sau khi thi công hoàn thiện công trình và trước khi nghiệm thu công trình, Nhà thầu phải thu dọn, san trả hiện trường và làm cho khu vực công trường được sạch sẽ.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm lập đầy đủ hồ sơ hoàn công công trình theo đúng yêu cầu của Chủ đầu tư và các tiêu chuẩn nghiệm thu công trình.

b.2. Giám sát thi công

Giám sát kỹ thuật công trình được quyền bất cứ lúc nào cũng được tiếp cận các vị trí thi công để kiểm tra công tác của Nhà thầu. Nhà thầu có trách nhiệm hỗ trợ giám sát kỹ thuật công trình trong công tác trên.

Toàn bộ vật liệu, thiết bị, bán thành phẩm sản xuất chỉ được đưa vào công trình sau khi có văn bản nghiệm thu của giám sát kỹ thuật công trình. Mọi vật liệu, thiết bị, bán thành phẩm không được giám sát kỹ thuật chấp nhận phải chuyển khỏi phạm vi công trường.

Mọi vật tư thay thế chất lượng tương đương phải có chứng chỉ của nhà sản xuất và phải được bên mời thầu cho phép bằng văn bản mới được đưa vào công

trường.

Các phần khuất của công trình trước khi lắp phải có biên bản nghiệm thu. Nếu không tuân theo những quy định trên thì mọi tổn thất phục hồi công trình do nhà thầu chịu.

Nhà thầu phải chấp nhận tạm thời đình chỉ hoặc hoãn thi công không được đòi hỏi bồi hoàn thiệt hại theo yêu cầu của giám sát thi công và bên mời thầu trong những trường hợp sau:

- Do lý do an ninh và an toàn bảo vệ môi trường
- Do nguyên nhân thời tiết khí hậu.

b.3. Các công tác kỹ thuật tại hiện trường.

Nhà thầu sẽ cung cấp các cán bộ và kỹ sư có chuyên môn để tiến hành công tác khảo sát và thi công theo quy định.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm với mọi hư hại và sẽ bị ngừng việc nếu gây ra hỏng hóc cho móng, các đường ống ngầm, đường điện và công trình lân cận. Mọi hư hỏng nhà thầu sẽ phải bồi thường bằng kinh phí của mình và phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư mọi thiệt hại do việc ngừng thi công gây ra.

- Nhà thầu cần xác định vị trí và cao độ của công trình và các bộ phận của công trình trên cọc mốc và phải chịu trách nhiệm về độ chính xác của việc định vị này.

c. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử);

- Tất cả các loại vật tư, vật liệu đưa vào thi công và lắp đặt cho công trình phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Yêu cầu phải có chứng nhận nguồn gốc xuất xứ của các loại vật tư, vật liệu. Các thiết bị phục vụ thi công phải là những thiết bị tốt, có công suất phù hợp và được kiểm nghiệm theo định kỳ. Chủng loại vật tư, vật liệu phải tuân thủ theo các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, được nghiệm thu và thử nghiệm theo quy phạm quy định.

- Khi có yêu cầu, nhà thầu phải xuất trình hồ sơ lý lịch về vật tư, thiết bị mà nhà thầu sử dụng vào công trình.

- Một số mặt hàng cần có mẫu thử, nhà thầu phải tiến hành thử nghiệm tại nơi kiểm tra theo yêu cầu và có sự giám sát của phía chủ đầu tư.

- Những mặt hàng nào không đảm bảo theo yêu cầu về chất lượng, mẫu mã..., đều phải lập biên bản và đưa ra khỏi công trình trong thời gian không quá 24 giờ.

**CHỈ DẪN KỸ THUẬT CỦA CÁC VẬT TƯ, VẬT LIỆU, THIẾT BỊ
CHÍNH SỬ DỤNG CHO GÓI THẦU**

TT	Tên vật tư, thiết bị	Quy cách và yêu cầu kỹ thuật	Nguồn gốc xuất xứ và tài liệu yêu cầu đính kèm
1	Xi măng	Đáp ứng TCVN hiện hành;	- Tham khảo các hãng xi măng Tiên sơn, Hoàng Long, Hoàng Thạch, Đồng Tiến hoặc tương đương. - Tài liệu yêu cầu đính kèm: + Cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp với đơn vị cung cấp; + Giấy ĐKKD của đơn vị cung cấp;
2	Gạch Block	Đáp ứng TCVN hiện hành;	- Tham khảo các hãng gạch Amado, Cầu Đuống hoặc tương đương. - Tài liệu yêu cầu đính kèm: + Cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp với đơn vị cung cấp; + Giấy ĐKKD của đơn vị cung cấp;
3	Cát các loại	đáp ứng TCVN hiện hành;	- Mỏ cát Sông Hồng, Sông Lô hoặc tương đương - Tài liệu yêu cầu đính kèm: + Cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp với đơn vị cung cấp, đơn vị khai thác; + Giấy ĐKKD của đơn vị cung cấp, đơn vị khai thác;
4	Đá dăm các loại	đáp ứng TCVN hiện hành;	- Mỏ đá Hà Nam, Vĩnh Phúc hoặc tương đương - Tài liệu yêu cầu đính kèm: + Cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp với đơn vị cung cấp, đơn vị khai thác; + Giấy ĐKKD của đơn vị cung cấp, đơn vị khai thác;
5	Gạch xây	đáp ứng TCVN hiện hành;	- Tham khảo các hãng gạch Amacao, Cầu Đuống hoặc tương đương.

			<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu yêu cầu đính kèm: + Cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp với đơn vị cung cấp; + Giấy ĐKKD của đơn vị cung cấp;
6	Vật tư nhựa đường, BTN, Nhựa tưới dính bám	Đáp ứng TCVN hiện hành;	<ul style="list-style-type: none"> - Tham khảo các trạm trộn bê tông nhựa khu vực cảng khuyến Lương và các trạm lân cận. - Tài liệu yêu cầu đính kèm: + Cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp với đơn vị cung cấp; + Giấy ĐKKD của đơn vị cung cấp;
7	Hè đá tự nhiên, bó vỉa đá, tấm đan rãnh đá	Đáp ứng TCVN hiện hành;	<ul style="list-style-type: none"> - Tham khảo các đá thanh hóa và các vùng tương đương. - Tài liệu yêu cầu đính kèm: + Cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp với đơn vị cung cấp; + Giấy ĐKKD của đơn vị cung cấp;
8	Hè gạch Terazzo	Đáp ứng TCVN hiện hành;	<ul style="list-style-type: none"> - Tham khảo các nhà sản xuất khu vực Hà nội và các vùng tương đương. - Tài liệu yêu cầu đính kèm: + Cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp với đơn vị cung cấp; + Giấy ĐKKD của đơn vị cung cấp;
9	Hè gạch bê tông giả đá	Đáp ứng TCVN hiện hành;	<ul style="list-style-type: none"> - Tham khảo các nhà sản xuất khu vực Hà nội và các vùng tương đương. - Tài liệu yêu cầu đính kèm: + Cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp với đơn vị cung cấp; + Giấy ĐKKD của đơn vị cung cấp;
10	Cấu kiện bê tông đúc sẵn	Đáp ứng TCVN hiện hành;	<ul style="list-style-type: none"> - Tham khảo các nhà sản xuất khu vực Hà nội và các vùng tương đương. - Tài liệu yêu cầu đính kèm: + Cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp với đơn vị cung cấp; + Giấy ĐKKD của đơn vị cung cấp;

11	Sơn dẻo nhiệt	Đáp ứng TCVN hiện hành;	- Tài liệu yêu cầu đính kèm: + Cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp với đơn vị cung cấp;
11	Sơn bê tông, sơn sắt thép	Đáp ứng TCVN hiện hành;	- Tham khảo các nhà sản xuất sơn tổng hợp Hà nội và các nhà sản xuất tương đương. - Tài liệu yêu cầu đính kèm: + Cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp với đơn vị cung cấp; + Giấy ĐKKD của đơn vị cung cấp;
12	Cột biển, biển báo, biển ngõ...	Đáp ứng TCVN hiện hành;	- Tham khảo các nhà sản xuất khu vực Hà nội và các nhà sản xuất tương đương. - Tài liệu yêu cầu đính kèm: + Cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp với đơn vị cung cấp; + Giấy ĐKKD của đơn vị cung cấp;
13	Các loại vật tư, vật liệu khác	đáp ứng TCVN hiện hành;	- Tài liệu yêu cầu đính kèm: + Kê khai trong bảng danh mục vật tư, vật liệu.

d. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt;

Nhà thầu phải tuân thủ các yêu cầu trình tự thi công của Chủ đầu tư. Tất cả các hạng mục của gói thầu xây lắp phải được thi công theo quy trình thi công và nghiệm thu hiện hành của Nhà nước. Trước khi khởi công công trình nhà thầu phải lập biện pháp thi công, phê duyệt và gửi Chủ đầu tư để theo dõi và giám sát.

- Khi thi công nên áp dụng các phương pháp cơ giới phù hợp với từng biện pháp thi công và sơ đồ công nghệ.

- Trong quá trình thi công nghiệm thu phải tiến hành kiểm tra thực hiện các sơ đồ công nghệ và biện pháp thi công. Kết quả kiểm tra phải ghi vào nhật ký công trình.

- Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ, chính xác và đúng trình tự các yêu cầu kỹ thuật và các quy phạm thi công hiện hành của Nhà nước.

- Vật liệu trước khi đem sử dụng cho công trình phải kiểm tra và được Chủ đầu tư chấp thuận.

e. Nội dung về kỹ thuật trình bày đầy đủ các nội dung:

- Công tác tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát.
- Chung loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị
- Công tác chuẩn bị mặt bằng
- Công tác thi công các hạng mục công việc

f. Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn (nếu có);

Sau khi thi công xây dựng xong công trình Nhà thầu phải có kế hoạch đào tạo, vận hành thử nghiệm toàn bộ hệ thống và chuyển giao công nghệ cho Chủ đầu tư.

g. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ;

Trong suốt quá trình thi công và sửa chữa những sai sót thi công, nhà thầu phải:

- Quan tâm đầy đủ đến an toàn của người làm việc trên công trường và bảo vệ công trình.
- Cung cấp và bảo quản hệ thống chiếu sáng, bảo vệ rào tạm, hệ thống báo động cho bảo vệ an ninh công trình.
- Áp dụng toàn bộ các biện pháp hợp lý để bảo vệ môi trường thi công, không làm ảnh hưởng đến các hoạt động công cộng và cá nhân khác do biện pháp thi công của nhà thầu gây ra.
- Tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trong suốt quá trình thi công xây dựng

h. Yêu cầu về vệ sinh môi trường;

Nhà thầu phải sử dụng các biện pháp hợp lý để đảm bảo vệ sinh môi trường thi công, đảm bảo qui định vệ sinh môi trường, giao thông đô thị, không làm ảnh hưởng tới hoạt động và sinh hoạt bình thường của các công trình lân cận.

Nhà thầu phải dọn dẹp toàn bộ hệ thống kho bãi công trình, tổng vệ sinh các hạng mục, thu dọn phế thải để hoàn nguyên cảnh quan khu vực trước khi tiến hành nghiệm thu bàn giao công trình.

i. Yêu cầu về an toàn lao động;

Nhà thầu phải thi công bằng cách sao cho không gây ảnh hưởng đến phần việc đã thi công. Trong quá trình thi công, Nhà thầu phải đảm bảo an toàn cho người và phương tiện qua lại. Sử dụng các biện pháp chống bụi, chống ồn và bảo đảm cho mọi hoạt động sản xuất và sinh hoạt bình thường trong khu vực thi công.

Ngay trước khi bắt đầu tiến hành thi công. Nhà thầu phải trình Kỹ sư bản biện pháp an toàn lao động. Biện pháp này bao gồm cả huấn luyện an toàn cho toàn nhân viên, người chỉ huy việc thực hiện gói thầu này.

Nhà thầu phải có trách nhiệm báo cho kỹ sư về các tai nạn xảy ra trong hoặc ngoài hiện trường mà nhà thầu liên quan trực tiếp, dẫn đến thương tật cho bất cứ người nào có liên quan trực tiếp đến công trường hoặc bên thứ ba. Đầu tiên thông báo được thực hiện bằng lời nói, sau đó lập biên bản chi tiết trong vòng 24 giờ sau khi tai nạn xảy ra.

Nhà thầu phải tiến hành các biện pháp phòng ngừa và bảo vệ cần thiết để đảm bảo cho nhân viên hoặc bất cứ người nào khác trong hoặc ngoài công trường khỏi bị nguy hiểm do các phương pháp làm việc của Nhà thầu.

Nhà thầu luôn luôn cung cấp đầy đủ và duy trì tại các vị trí thuận tiện các dụng cụ cứu trợ y tế khẩn cấp đầy đủ và phù hợp, dễ lấy trong hoặc xung quanh công trường và đảm bảo luôn có đội ngũ nhân viên được đào tạo đúng chuyên ngành để có mặt đúng lúc dù công trình được thi công ở bất cứ nơi nào.

Nhà thầu sẽ không được thanh toán riêng phần đảm bảo an toàn lao động mà sẽ được thanh toán trong mục tương tự trong giá dự thầu.

** An toàn và sức khỏe nghề nghiệp.*

Mục tiêu hàng đầu của công trình an toàn này là hạn chế số vụ tai nạn và mức độ thiệt hại cũng như bệnh tật cho nhà thầu, Kỹ sư và các cán bộ, công nhân làm việc trong dự án, hạn chế thương vong cho những người khác có thể bị ảnh hưởng do các hoạt động xây dựng gây nên bao gồm cả công cộng.

j. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công;

Nhà thầu phải cung cấp, vận hành, duy trì và đưa tới công trường tất cả các loại máy thi công phù hợp, đặc biệt nhà thầu phải cung cấp các thiết bị chỉ ra tại phụ lục của hướng dẫn nhà thầu.

Nhà thầu không được di chuyển thi công ra khỏi công trường trừ khi có văn bản phê duyệt của Kỹ sư. Kỹ sư có thể yêu cầu nhà thầu để lại một số máy móc trong thời gian bảo hành.

Tất cả các chi phí liên quan đến vận hành, bảo dưỡng, khấu hao và dời chuyển các máy móc thi công phải được tính trong giá dự thầu.

k. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục;

Trước khi dự thầu, nhà thầu phải cần phải xem xét, tham quan địa điểm để tự nghiên cứu đánh giá hiện trạng của địa điểm, điều kiện tự nhiên, lối ra vào, công trình lân cận và các yếu tố khác có liên quan có ảnh hưởng đến việc đấu thầu của mình. Không đòi hỏi các chi phí thêm sau này có những công việc phát sinh và do điều kiện tự nhiên hiện trạng của công trường, gây thiệt hại cho nhà thầu.

k.a) Trong bản yêu cầu kỹ thuật này biện pháp thi công bao gồm các phần

sau:

+ Tiến độ thi công.

+ Bản vẽ biện pháp thi công thể hiện các chi tiết yêu cầu cần đặc biệt lưu ý các biện pháp để tổ chức thi công gói thầu.

+ Vật liệu, máy móc và nhân công cần thiết cho mỗi giai đoạn thi công.

+ Các nhu cầu cần thiết khác

k.b) Sau khi trúng thầu, Nhà thầu phải nộp bản tường trình biện pháp thi công duy tu chi tiết để Kỹ sư giám sát xem xét trước khi khởi công công trình.

k.c) Thời gian thích hợp để nộp bản biện pháp thi công cho Chủ công trình phải được quy định rõ ràng trong tiến độ thi công chính thức. Trừ trường hợp đã được Kỹ sư cho phép, Nhà thầu phải nộp biện pháp thi công ít nhất 01 tuần trước khi kế hoạch khởi công được xem xét. Kỹ sư giám sát phải luôn luôn yêu cầu Nhà thầu nộp các biện pháp thi công chi tiết trong suốt quá trình thi công để có ý kiến cần thiết cho việc bảo đảm an toàn trong thi công.

k.d) Nhà thầu phải trực tiếp nộp đầy đủ mọi thông tin cùng với biện pháp thi công bao gồm các công trình tạm, việc sử dụng máy xây dựng mà Nhà thầu dự định sẽ sử dụng, tính toán ứng suất, chuyển vị và biến dạng có thể gây ra trong quá trình thi công cho kỹ sư để có thể quyết định biện pháp thi công chính thức, đáp ứng được yêu cầu của hợp đồng, không gây ảnh hưởng đến thi công chính thức.

k.e) Nhà thầu phải lập báo cáo tình hình thi công hàng tháng có kèm theo ảnh chụp cho Kỹ sư giám sát. Báo cáo phải rõ ràng và chính xác về tình hình thi công và nếu có sự chậm tiến độ của mỗi hạng mục công trình thì phải nêu rõ lý do chậm chễ và các biện pháp khắc phục của Nhà thầu.

k.f) Nhà thầu không được phép thay đổi các biện pháp đã được kỹ sư giám sát chấp nhận mà không có sự thoả thuận bằng văn bản của kỹ sư. Việc thi công sẽ được bắt đầu khi và chỉ khi kỹ sư giám sát đã chấp nhận các biện pháp thi công đó.

k.g) Nhà thầu phải đảm bảo thi công đúng biện pháp thi công được duyệt, phải tuân theo các hướng dẫn của kỹ sư giám sát để đảm bảo biện pháp thi công đảm bảo an toàn và không được kéo dài thời gian.

k.h) Sự chấp nhận biện pháp thi công dự kiến mà nhà thầu lập của kỹ sư giám sát không hề miễn cho nhà thầu khỏi trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trong hợp đồng về thời gian thi công, sự an toàn cho người và các tài sản có liên quan.

m. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu;

Nhà thầu phải xây dựng hệ thống, quy trình kiểm tra, giám sát chất lượng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và chất lượng công trình

n. Các yêu cầu về đảm bảo giao thông.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm xin phép và chịu các lệ phí (nếu có) để mở các lối ra vào tạm công trường.

- Nhà thầu sẽ thực hiện công việc của mình bằng cách bảo vệ công trình kê cả các công trình lân cận khỏi các hư hại do giao thông phục vụ xây dựng gây ra.

- Kiểm soát và điều khiển giao thông trong mặt bằng thi công cần thiết được áp dụng để bảo vệ công trình. Các đường đi lại luôn sạch sẽ và đảm bảo tuyệt đối an toàn.

- Tại mọi thời điểm cần đặc biệt chú ý đến việc điều khiển giao thông trong thời tiết xấu, trong thời gian công việc đã thực hiện đặc biệt dễ bị hư hỏng.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đền bù sửa chữa (nếu có) các công trình giao thông công cộng, hệ thống hạ tầng do xe máy của mình đi lại trên đó gây ra

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phân như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Mục này quy định về quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, trình tự giao nộp sản phẩm (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng.